

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

Số: **SỐ TÀI CHÍNH** /2025/NQ-HĐND

“DỰ THẢO LẦN 1”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số/2025/QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của Thủ
tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số Nghị
quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường
vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu
tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2025- 2030; Báo cáo thẩm tra
của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội Đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn, nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030

Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công

Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xố số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

a) Bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển kinh tế của các xã, phường trong tỉnh; ưu tiên hỗ trợ các xã nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống người dân giữa các xã, phường trong tỉnh¹.

c) Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

d) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

đ) Các xã, phường căn cứ tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (*không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xố số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương*) giai đoạn 2026-2030 được giao, phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế tại từng xã, phường. Khuyến khích các xã, phường trong cùng khu vực kết hợp sử dụng nguồn

1. *Xố nhóm 1 là xố liền kề dự thị hiện hữu cũ định hướng phát triển thành dự thị, hoặc xố cũ tỷ trọng ngành nung nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xố được định hướng là dự thị mới..*

2. *Xố nhóm 2 là xố khụng thuộc xố nhóm 1 và xố nhóm 3.*

3. *Xố nhóm 3 là xố nghố, hoặc xố khu vực II và xố khu vực III thuộc địa bàn vụng đồng bào dñ tộc thiểu số và miền nỳi.*

vốn này để triển khai các dự án liên xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của cả khu vực.

2. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối cho các xã, phường trên cơ sở tính điểm theo 5 nhóm tiêu chí²:

a) Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các xã, phường.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu cân đối ngân sách.

c) Tiêu chí về diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ che phủ rừng của các xã, phường.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3, phường; số thôn bản, tổ dân phố.

đ) Tiêu chí bổ sung, gồm: Xã biên giới; xã chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, ...).

3. Định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường

a) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ (G) = Tổng vốn đầu tư công nguồn trong cân đối phân bổ cho các xã, phường (K)/Tổng điểm của các xã, phường (Q).

b) Số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối của các xã, phường (K_{đp}) = Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ (G) x số điểm của các xã, phường (Q_{đp}).

c) Cách xác định số điểm của từng tiêu chí theo 5 nhóm tiêu chí và tiêu chí bổ sung; xác định số điểm của từng xã, phường: *(Chi tiết phương pháp tính điểm theo Phụ lục số 01 đính kèm).*

4. Mức vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 phân bổ cho các xã, phường

a) Bố trí 30% tổng số vốn đầu tư công³ nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 cho các xã, phường⁴ theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn.

2. Quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Tham khảo điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Nếu dự kiến tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 của tỉnh khoảng 8.000

b) Bố trí 70% tổng số vốn đầu tư công nguồn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030 để tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên vùng, liên xã, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo không dàn trải, manh mún.

5. Phương thức hỗ trợ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2026-2030

a) Đối với 30% tổng số vốn đầu tư công hỗ trợ cho các xã, phường theo tiêu chí và định mức phân bổ vốn:

Hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường để triển khai thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn và một số nhiệm vụ quan trọng khác được cấp có thẩm quyền quyết định. Trong đó khuyến khích các xã, phường trong cùng khu vực phối hợp sử dụng nguồn vốn này để triển khai các dự án liên xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của cả khu vực.

Với phương thức hỗ trợ này, các xã, phường có thể chủ động, linh hoạt trong công tác cân đối ngân sách cấp mình để cùng lồng ghép với vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để xây dựng, lập, phân bổ cũng như công tác điều chỉnh kế vốn cả giai đoạn 2021-2025 và hằng năm.

b) Đối với 70% tổng số vốn đầu tư công để tập trung bố trí đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên vùng, liên xã, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao: Trên cơ sở đề xuất nhu cầu đầu tư của các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã gửi Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, cân đối, tham mưu báo cáo, trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư từng dự án cho các chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc phân bổ vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất (*không bao gồm chi đầu tư phát triển quỹ đất*), thu xổ số kiến thiết và các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi

1. Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Việc phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất cho các dự án được thực hiện đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trên cơ sở nguồn thu tiền sử dụng đất được bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: Việc phân bổ nguồn thu xổ số kiến thiết cho các dự án được thực hiện đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trên cơ sở nguồn thu xổ số kiến thiết được bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 61 của Luật Ngân sách

nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép bố trí cho các ngành, lĩnh vực, chương trình, đề án, dự án theo quy định, trong đó ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm và dự án quan trọng khác đảm bảo theo quy định.

Điều 6. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã

1. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã năm 2026 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách cấp được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã (nếu có), phù hợp với định hướng, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2026; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của cấp xã giai đoạn 2021 - 2025, ước thực hiện năm 2025.

2. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã từ năm 2027 đến năm 2030 được xác định từng năm trên cơ sở tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã so với vốn đầu tư công năm 2026 (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa - Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC SỐ: 01

Cách xác định số điểm của từng tiêu chí theo 5 nhóm tiêu chí; xác định số điểm của từng xã, phường

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Cách xác định số điểm của từng tiêu chí theo 5 nhóm tiêu chí và tiêu chí bổ sung

a) Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Dưới 10.000 người	10
Từ 10.000 người trở lên, cứ tăng thêm 2.000 người được thêm	1

Số dân trung bình của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu báo cáo của Chi cục Thống kê tỉnh Lào Cai cung cấp.

(2) Điểm của tiêu chí người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Dưới 2.000 người	4
Từ 2.000 người trở lên, cứ tăng thêm 1.000 người được thêm	1

Số người dân tộc thiểu số của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Dân tộc và Tị nạn giáo cung cấp.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nhập đối xứng, tỷ lệ bổ sung thu nhập đối xứng địa phương. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Điểm
Dưới 5% hộ nghèo không tính điểm	0
Từ 5% hộ nghèo trở lên, cứ tăng thêm 1% hộ nghèo được thêm	1

Tỷ lệ hộ nghèo của cỏc xó, phường để tónh điểm được xỏc định căn cứ số liệu kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Lào Cai năm 2025 (trước mắt lấy số liệu theo báo cáo của Sở Nụng nghiệp và Mụi trường cung cấp).

(2) Điểm của tờiu chớ số thu cõn đối ngõn sỏch

Số thu cõn đối ngõn sỏch	Điểm
Dưới 5 tỷ đồng	10
Từ 5 tỷ đồng, cứ tăng thõm 1 tỷ đồng được	1

Số thu cõn đối ngõn sỏch của cỏc xó, phường để tónh điểm được tónh theo kết quả thu ngõn sỏch nhà nước thõng 7 năm 2025 (tónh theo địa bàn 99 xó, phường tỉnh Lào Cai sau sỏp nhập).

(3) Điểm của tờiu chớ tỷ lệ bổ sung cõn đối ngõn sỏch địa phương

Tỷ lệ bổ sung cõn đối ngõn sỏch địa phương	Điểm
Dưới 2%	10
Từ 2% trở lờn, cứ tăng thõm 1% được thõm	2,5

Tỷ lệ bổ sung cõn đối ngõn sỏch của cỏc xó, phường để tónh điểm được tónh theo tỷ lệ bổ sung cõn đối ngõn sỏch thõng 7 năm 2025 (tónh theo địa bàn 99 xó, phường tỉnh Lào Cai sau sỏp nhập).

c) Tờiu chớ về diện tóch, gồm: Diện tóch đất tự nhiên, diện tóch đất trồng lỳa, tỷ lệ che phủ rừng của cỏc xó, phường. Cỏch tónh cụ thể như sau:

(1) Điểm của tờiu chớ diện tóch đất tự nhiên

Diện tóch đất tự nhiên	Điểm
Dưới 100.000 ha	6
Từ 100.000 ha đến 200.000 ha, cứ 20.000 ha tăng thõm	2
Trờn 200.000 ha, cứ 20.000 ha tăng thõm	1

Diện tóch đất tự nhiên của cỏc xó, phường để tónh điểm được xỏc định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Nụng nghiệp và Mụi trường cung cấp.

(2) Điểm của tờiu chớ diện tóch đất trồng lỳa

Diện tóch đất trồng lỳa	Điểm
Dưới 100 ha	2

Từ 100 ha trở lên, cứ 50.000 ha tăng thêm	1
---	---

Diện tích đất trồng lúa của cỏ xó, phường để tính điểm được xác định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Nụng nghiệp và Mụi trường cung cấp.

(2) Điểm của tầu chớ tỷ lệ che phủ rừng:

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Cứ 2% độ che phủ rừng được tính	0,5

Tỷ lệ che phủ rừng của cỏ xó, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nụng nghiệp và Mụi trường cung cấp.

d) Tầu chớ về đơn vị hành chính cấp xó, gồm: Xó nhóm 1, xó nhóm 2, xó nhóm 3, phường; thụn, bản, tổ đồn phố. Cỏch tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tầu chớ đơn vị hành chính cấp xó

Đơn vị hành chính cấp xó	Điểm
Mỗi phường được tính	100
Mỗi xó nhóm 3 được tính	110
Mỗi xó nhóm 2 được tính	120
Mỗi xó nhóm 1 được tính	130
Mỗi tổ đồn phố được tính	0,1
Mỗi thụn, bản được tính	0,2

Danh sách xó, phường để tính điểm lấy theo số liệu do Sở Nụng nghiệp và Mụi trường cung cấp; Số thụn, bản, tổ đồn phố để tính điểm lấy theo số liệu do Sở Nội vụ cung cấp.

đ) Tầu chớ bổ sung, gồm: Xó biên giới; Xó chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu: Mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, Cỏch tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tầu chớ xó biên giới

Đơn vị hành chính cấp xó	Điểm
Xó biên giới	10

(2) Điểm của tầu chớ xó chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu: Mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, ...

Chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu	Điểm
Dưới 100 hộ khụng tính điểm	0

Từ 100 hộ trở lên, cứ tăng thêm 50 được thêm	1
--	---

Số hộ chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu của các xã, phường để tính điểm lấy theo số liệu do Sở Nụng nghiệp và Mụi trường cung cấp.

2. Xác định số điểm của từng xã, phường

Căn cứ điểm các tiêu chí quy định trên, xác định được điểm của các xã, phường (Qđp) như sau:

Stt	Tên xã, phường	Số điểm
1	Phường ẹu Lõu	192
2	Phường Cam Đường	244
3	Phường Cầu Thia	178
4	Phường Lào Cai	241
5	Phường Nam Cường	166
6	Phường Nghĩa Lộ	166
7	Phường Sa Pa	171
8	Phường Trung Tõm	168
9	Phường Văn Phỳ	175
10	Phường Yõn Bỏi	267
11	Xó A Mỳ Sung	226
12	Xó Bản Hồ	201
13	Xó Bản Lầu	203
14	Xó Bản Liền	220
15	Xó Bản Xố	215
16	Xó Bảo ỉ	195
17	Xó Bảo Hà	244
18	Xó Bảo Nhai	267
19	Xó Bảo Thắng	189
20	Xó Bảo Yõn	200
21	Xó Bỏt Xỏt	231
22	Xó Bắc Hà	249
23	Xó Cỏm Nhõn	192

24	Xó Cao Sơn	228
25	Xó Cốt Thịnh	192
26	Xó Cốc Lầu	228
27	Xó Cốc San	191
28	Xó Chấn Thịnh	183
29	Xó Châu Quế	183
30	Xó Chế Tạo	215
31	Xó Chiềng Ken	197
32	Xó Dền Sòng	230
33	Xó Dương Quỳ	194
34	Xó Đụng Cuụng	189
35	Xó Gia Hội	193
36	Xó Gia Phỳ	207
37	Xó Hạnh Phỳc	218
38	Xó Hợp Thành	187
39	Xó Hưng Khỏnh	191
40	Xó Khỏnh Hũa	202
41	Xó Khỏnh Yờn	198
42	Xó Khao Mang	220
43	Xó Lao Chải	217
44	Xó Lỗm Giang	178
45	Xó Lỗm Thượng	196
46	Xó Liền Sơn	173
47	Xó Lục Yờn	194
48	Xó Lụng Phỏnh	222
49	Xó Lương Thịnh	185
50	Xó Mậu A	218
51	Xó Minh Lương	195
52	Xó Mỏ Vàng	206
53	Xó Mự Cang Chải	216
54	Xó Mường Bo	186
55	Xó Mường Hum	223

56	Xó Mường Khương	271
57	Xó Mường Lai	204
58	Xó Nậm Cú	239
59	Xó Nậm Chày	204
60	Xó Nậm Xô	198
61	Xó Nghĩa Đụ	212
62	Xó Nghĩa Tôm	185
63	Xó Ngũ Chỉ Sơn	202
64	Xó Pýng Luụng	214
65	Xó Pha Long	237
66	Xó Phỡnh HỒ	243
67	Xó Phong Dụ Hạ	183
68	Xó Phong Dụ Thượng	181
69	Xó Phong Hải	173
70	Xó Phýc Khỏnh	212
71	Xó Phýc Lợi	190
72	Xó Quy Mụng	199
73	Xó Si Ma Cai	253
74	Xó Són Chộng	222
75	Xó Sơn Lương	206
76	Xó Tả Củ Tỷ	216
77	Xó Tả Phỡn	204
78	Xó Tả Van	220
79	Xó Tà Xi Lỏng	239
80	Xó Tẻng Loỏng	195
81	Xó Tỏn Hợp	187
82	Xó Tỏn Lĩnh	194
83	Xó Tỳ Lệ	209
84	Xó Thỏc Bà	198
85	Xó Thượg Bẻng La	168
86	Xó Thượg Hà	227
87	Xó Trạm Tấu	234

88	Xó Trấn Yờn	233
89	Xó Trịnh Tường	225
90	Xó Văn Bàn	213
91	Xó Văn Chấn	196
92	Xó Việt Hồng	182
93	Xó Vừ Lao	218
94	Xó Xuôn ếi	186
95	Xó Xuôn Hũa	224
96	Xó Xuôn Quang	200
97	Xó Y Tý	233
98	Xó Yờn Bõnh	182
99	Xó Yờn Thành	189
	Tổng số (Q)	20.452